

2023-2024 USA Fencing Rolling Point Standings  
V50MS

		CURRENT AS OF	1/8/2024	ROLLING	V50 - JAN	2024	V50 - MAR	2023	V50 - NTLS	2023	V50 - WORLDS	2023
RANK	NAME	YOB	DIVISION	POINTS	PLACE	POINTS	PLACE	POINTS	PLACE	POINTS	PLACE	POINTS
1	Thornton, Ronald J	1966	Virginia	800	1	400	1	400	9	214	14	0
2	Bacon, Michael F	1966	Metro NYC	680	3	340	3	340	3	340	18	0
3	Choi, Ilho	1969	New England	678	np	0	6	278	1	400	np	0
4	Becker, William	1965	Arizona	648	5	280	2	368	5	280	np	0
5	Issa, Naoum	1968	Illinois	618	np	0	3	340	6	278	np	0
6	Escueta Jr, Antonio V	1966	North TX	582	2	368	9	214	13	206	np	0
7	Chu, Kevin	1966	Metro NYC	580	11	210	10	212	2	368	np	0
8	Phillips, Kim V	1972	Metro NYC	558	6	278	5	280	10	212	np	0
9	Zoller Matthew	1970	Colorado	490	9	214	12	208	7	276	np	0
10	Slaughter, Christopher W	1973	North TX	479	7	276	17	140	14.5	203	np	0
11	Makogon, Sergey	1971	Utah-S.Idaho	476	np	0	7	276	16	200	np	0
12	Park, James	1966	Arizona	468	3	340	np	0	23	128	np	0
13	Dudnick, Christian	1974	Colorado	420	13	206	np	0	np	0	np	0
14	Dolegiewicz, Mariusz	1968	Illinois	418	12	208	11	210	12	208	np	0
15	Colter, Richard	1973	Colorado	407	14	204	np	0	14.5	203	np	0
16	Zipper, Michael E	1965	Metro NYC	350	17	140	19	136	11	210	np	0
17T	Martinez, Mario D	1966	Central CA	340	25	124	16	200	17	140	np	0
17T	Bush, Joshua C	1974	Nebr-S.Dak	340	np	0	np	0	np	0	np	0
19	Katz, Jason	1974	Connecticut	338	18	138	np	0	np	0	np	0
20	Caisse, Michael J	1969	Mt. Valley	336	10	212	np	0	25	124	np	0
21	Staten, Joseph	1972	Western WA	330	16	200	22	130	np	0	np	0
22T	Floyd, Dale	1966	Mountain Valley	274	8	274	np	0	np	0	np	0
22T	Tannas, Henri	1968	New England	274	np	0	np	0	8	274	np	0
24	Firoozi, Farzeen	1973	Metro NYC	266	21	132	20	134	np	0	np	0
25	Margil, David	1966	New England	262	np	0	21	132	22	130	np	0
26	Stone Brad	1966	Central California	260	24	126	25	124	20	134	np	0
27	Beech William	1967	Arizona	246	np	0	23	128	28	118	np	0
28	buhay, Renato	1966	Colorado	244	26	122	np	0	26	122	np	0
29	Singh, Neil	1972	Arizona	238	np	0	24	126	31	112	np	0
30	Penton, Robert	1968	Great Britain	204	np	0	14	204	np	0	np	0
31T	Samotessov Vladislav	1967	South Jersey	202	15	202	np	0	np	0	39	0
31T	Boylan, John	1968	Kentucky	202	np	0	15	202	np	0	np	0
33T	Chen, Lester	1969	Orange Coast	138	np	0	np	0	18	138	np	0
33T	Anderson, Nathan T	1973	Colorado	138	np	0	18	138	np	0	np	0
35T	Cheng Jonathan	1968	Philadelphia	136	np	0	np	0	19	136	np	0
35T	Cho, Yutong	1972	Metro NYC	136	19	136	np	0	np	0	np	0
37	Nemazie, David A	1966	Maryland	134	20	134	np	0	np	0	np	0
38	Uyanik, Muhammet	1969	Central California	132	np	0	np	0	21	132	np	0
39	Fialkowski, Steven P	1966	Northern CA	130	22	130	np	0	np	0	np	0
40T	Cogan, Derek	1972	Western WA	128	23	128	np	0	np	0	np	0
40T	Saucedo, Fernando	1974	Arizona	128	np	0	np	0	np	0	np	0
42	Biesiada, Jacek	1971	Kentucky	126	np	0	np	0	24	126	np	0
43	Eldridge, David	1973	St. Louis	122	np	0	26	122	np	0	np	0
44	Hernandez, Marc	1973	South TX	120	np	0	np	0	27	120	np	0
45	Sims Martin	1965	Virginia	116	np	0	np	0	29	116	np	0
46	Shih, Andrew	1968	Oregon	114	np	0	np	0	30	114	np	0

np = Did not earn points (including not competing)

2023-2024 USA Fencing Rolling Point Standings  
V50MS

CURRENT AS OF 1/8/2024	V40 - MAR PLACE	2023 POINTS	V40 - NTLS PLACE	2023 POINTS
Thornton, Ronald J	np	0	np	0
Bacon, Michael F	np	0	np	0
Choi, Ilho	np	0	np	0
Becker, William	np	0	np	0
Issa, Naoum	np	0	np	0
Escueta Jr, Antonio V	np	0	np	0
Chu, Kevin	np	0	np	0
Phillips, Kim V	np	0	np	0
Zoller Matthew	np	0	np	0
Slaughter, Christopher W	np	0	np	0
Makogon, Sergey	np	0	np	0
Park, James	np	0	np	0
Dudnick, Christian	15	202	9	214
Dolegiewicz, Mariusz	np	0	np	0
Colter, Richard	np	0	np	0
Zipper, Michael E	np	0	np	0
Martinez, Mario D	np	0	np	0
Bush, Joshua C	3	340	np	0
Katz, Jason	np	0	16	200
Caisse, Michael J	np	0	np	0
Staten, Joseph	np	0	np	0
Floyd, Dale	np	0	np	0
Tannas, Henri	np	0	np	0
Firoozi, Farzeen	np	0	np	0
Margil, David	np	0	np	0
Stone Brad	np	0	np	0
Beech William	np	0	np	0
buhay, Renato	np	0	np	0
Singh, Neil	np	0	np	0
Penton, Robert	np	0	np	0
Samotessov Vladislav	np	0	np	0
Boylan, John	np	0	np	0
Chen, Lester	np	0	np	0
Anderson, Nathan T	np	0	np	0
Cheng Jonathan	np	0	np	0
Cho, Yutong	np	0	np	0
Nemazie, David A	np	0	np	0
Uyanik, Muhammet	np	0	np	0
Fialkowski, Steven P	np	0	np	0
Cogan, Derek	np	0	np	0
Saucedo, Fernando	np	0	23	128
Biesiada, Jacek	np	0	np	0
Eldridge, David	np	0	np	0
Hernandez, Marc	np	0	np	0
Sims Martin	np	0	np	0
Shih, Andrew	np	0	np	0

np = Did not earn points (including not competing)